

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 36/2017/DS-ST
Ngày : 25-8-2017
V/V tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Hùng

Ông Đinh Ngọc Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 70/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M. Địa chỉ: đường A, khu phố 2, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C. Địa chỉ: Lê Hữu Nghĩa, phường 4, thành phố A, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T.

Bà Nguyễn Thị S

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-02-2017, của bà Nguyễn Thị Tuyết M và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn C là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 31/8/2015 bà Nguyễn Thị Tuyết M có cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S vay 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3% /tháng, hạn 60 ngày sẽ trả vốn cho bà M.

Vào ngày 15/10/2015 bà Nguyễn Thị Tuyết M có cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S vay tiếp 16.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, hạn 15 ngày sẽ trả vốn cho bà M.

Vào ngày 28/7/2016 bà Nguyễn Thị Tuyết M có cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S vay 31.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hạn 60 ngày sẽ trả vốn cho bà M.

Tuy nhiên, đã đến hạn nhưng ông T và bà S không trả vốn và lãi cho bà M. Nay bà M yêu cầu ông T và bà S trả vốn vay 67.000.000 đồng và lãi chậm trả là 2.940.000 đồng, đối với khoản vay 16.000.000 đồng bà M không yêu cầu tính lãi chậm trả. Tổng cộng: 69.940.000 đồng.

Tại phiên tòa ông C chỉ yêu cầu ông T và bà S trả 67.000.000 đồng tiền vốn vay cho bà Mai, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Bà Nguyễn Thị S là bị đơn trình bày: Lời trình bày của ông Cường là không đúng. Bà có vay của bà M số tiền vốn là 20.000.000 đồng vào ngày 20/02/2016 không có giấy tờ lưu trữ. Riêng hai khoản vay còn lại là không đúng (giấy mượn tiền ngày 15/10/2015, 28/7/2016), vì đó là khoản tiền lãi bà M yêu cầu vợ chồng bà ký tên. Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà trả tiền vốn là 67.000.000 đồng và lãi chậm trả là 2.940.000 đồng, tổng cộng: 69.940.000 đồng, ông và bà đồng ý. Trong ba khoản vay trên ông bà phải trả lãi cho bà M là cứ 1.000.000 đồng tiền vốn vay thì bà trả 5.000 đồng đến 10.000 đồng tiền lãi/một ngày, trả đến tháng 02/2017 mới ngưng, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Bà và ông T thừa nhận chữ ký trong ba giấy mượn tiền là của ông bà. Do hoàn cảnh khó khăn bà và ông T xin bà M cho ông bà trả dần một tháng 3.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Ông T là bị đơn thống nhất lời trình bày của bà S không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa bà S trình bày: Bà có vay của bà M hai lần tổng cộng là 40.000.000 đồng (lần 1 vay 20.000.000 đồng vào tháng 10 năm 2016, lần 2 vay 20.000.000 đồng vào tháng 12 năm 2016). Nay trước yêu cầu của bà M vợ chồng bà đồng ý trả 40.000.000 đồng tiền vốn vay và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Tại phiên Tòa ông T trình bày: số nợ vay ngày 28/7/2016 là số tiền lãi của hai khoản vay ngày 31/8/2015 và ngày 15/10/2015 cộng lại thành 31.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy bà M yêu cầu ông T và bà S trả nợ vốn vay là 67.000.000 đồng, ông T và bà S không đồng ý vì ông bà chỉ vay bà M hai lần với số tiền là 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy ba giấy mượn tiền ngày 31/8/2015, 15/10/2015, 28/7/2016 mà ông T, bà S thừa nhận có ký tên, nhưng do bà M tính vốn và lãi chồng lên nên thành 67.000.000 đồng, bà S cho rằng chỉ vay bà M hai lần là 40.000.000 đồng, ngược lại ông T trình bày số tiền vay ngày 28/7/2016 là phần tiền lãi của hai khoản vay ngày 31/8/2015, 15/10/2015 cộng lại. Lời khai của ông T và bà S mâu thuẫn nhau về số lần vay, số tiền vay, số tiền lãi đã trả và không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T và bà S. Do đó cần buộc ông

T và bà S phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà M nợ vốn vay là 67.000.000 đồng và theo quy định tại Điều 463, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả là 2.940.000 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần về yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận, bà M không phải chịu án phí. Ông T, bà S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản tranh chấp của 67.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông T và bà S có hoàn cảnh khó khăn nên cần giảm 50% án phí cho ông T và bà S nên Áp dụng khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tuyết M vốn vay là 67.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần về yêu cầu tính lãi chậm trả của bà Nguyễn Thị Tuyết M là 2.940.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông T và bà S phải liên đới nộp 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) đã được miễn 50% án phí dân sơ thẩm án. Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.368.000 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007608 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Trí